BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 314/2016/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2016*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn một số điều tại Nghị định số 24/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 24/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 26/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Kho bạc Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn một số điều tại Nghị định số 24/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước (sau đây gọi là Nghị định số 24/2016/NĐ-CP) về: dự báo luồng tiền; sử dụng ngân quỹ nhà nước (NQNN) tạm thời nhàn rỗi (không bao gồm việc tạm ứng NQNN tạm thời nhàn rỗi cho ngân sách trung ương và ngân sách cấp tỉnh); biện pháp xử lý NQNN tạm thời thiếu hụt; quản lý rủi ro đối với hoạt động quản lý NQNN; trách nhiệm, quyền hạn của các đơn vị trong quản lý NQNN.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đơn vị thuộc hệ thống Kho bạc Nhà nước (KBNN).

2. Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính có liên quan đến công tác quản lý NQNN, bao gồm: Tổng cục Thuế; Tổng cục Hải quan; Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại; Vụ Ngân sách nhà nước (NSNN).

Chương II
DỰ BÁO LUỒNG TIỀN

Điều 3. Các loại dự báo luồng tiền

1. Dự báo luồng tiền có 03 loại dự báo sau:

a) Dự báo luồng tiền bằng đồng Việt Nam.

b) Dự báo luồng tiền bằng ngoại tệ quy ra đô la Mỹ.

c) Dự báo luồng tiền cả bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ quy ra đồng Việt Nam.

2. Tỷ giá quy đổi từ các loại ngoại tệ ra đô la Mỹ và từ đô la Mỹ sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán do Bộ Tài chính quy định tại thời điểm dự báo.

Điều 4. Kỳ dự báo luồng tiền

1. Kỳ dự báo luồng tiền được lập theo quý (có chia ra tháng) và dự báo năm (có chia ra quý).

a) Đối với dự báo quý, KBNN tổng hợp số liệu dự báo trước ngày 20 tháng cuối quý trước.

b) Đối với dự báo năm, KBNN tổng hợp số liệu dự báo trước ngày 20 tháng cuối năm trước.

2. Tùy theo tình hình thu, chi NQNN và yêu cầu quản lý, KBNN có thể lập dự báo luồng tiền theo tháng, tuần hoặc ngày.

a) Đối với dự báo tháng, KBNN tổng hợp số liệu trước ngày làm việc cuối cùng của tháng trước.

b) Đối với dự báo tuần, KBNN tổng hợp số liệu trước ngày làm việc đầu tiên của tuần dự báo.

Điều 5. Nội dung dự báo

1. Nội dung dự báo thu, chi NQNN được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 24/2016/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Các khoản thu NQNN, bao gồm: thu NSNN; thu các quỹ tài chính nhà nước và các khoản thu tiền gửi của các đơn vị giao dịch tại KBNN; thu từ huy động vốn cho NSNN và cho đầu tư phát triển (vay trong nước; vay nước ngoài); các khoản thu hồi sử dụng NQNN tạm thời nhàn rỗi.

b) Các khoản chi NQNN, bao gồm: chi NSNN (chi đầu tư phát triển; chi thường xuyên; chi trả hoàn thuế giá trị gia tăng, không bao gồm chi trả nợ thuộc phạm vi NSNN); chi trả nợ đến hạn (bao gồm, trả nợ trong nước như chi trả trái phiếu Chính phủ, trả nợ vay Bảo hiểm Xã hội Việt Nam,...; trả nợ nước ngoài và các khoản thanh toán nợ khác); các khoản chi tiền gửi của các đơn vị giao dịch tại KBNN và các quỹ tài chính nhà nước.

Chi tiết dự báo luồng tiền được thực hiện theo Mẫu số 05/DBTH, Mẫu số 06/DBVN và Mẫu số 07/DBNT ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Dự báo luồng tiền quy định tại Khoản 1 Điều này không bao gồm các khoản thu, chi NQNN chỉ mang tính chất chuyển nguồn, chuyển quỹ, không ảnh hưởng đến sự biến động tồn NQNN của toàn hệ thống KBNN; các khoản thu, chi viện trợ, vay nợ nước ngoài theo phương thức tài trợ trực tiếp cho các chương trình, dự án, không thực hiện thanh toán qua KBNN; các khoản ghi thu, ghi chi NSNN.

Điều 6. Nguồn thông tin dự báo

1. Đối với số liệu thu NSNN:

a) Tổng cục Thuế xác định và cung cấp cho KBNN số thu nội địa, thu dầu thô (theo Mẫu số 01/DB-TCT ban hành kèm theo Thông tư này).

b) Tổng cục Hải quan xác định và cung cấp cho KBNN số thu NSNN từ hàng hóa xuất nhập khẩu (theo Mẫu số 02/DB-TCHQ ban hành kèm theo Thông tư này).

2. Đối với số liệu chi NSNN (không bao gồm chi hoàn thuế giá trị gia tăng), do KBNN tự xác định; đối với số chi hoàn thuế giá trị gia tăng, do Tổng cục Thuế xác định và cung cấp cho KBNN (theo Mẫu số 01/DB-TCT).

3. Đối với số liệu vay và trả nợ vay:

a) Vay và trả nợ vay trong nước: KBNN xác định số vay và trả nợ vay qua phát hành trái phiếu Chính phủ để bù đắp bội chi NSNN và cho đầu tư phát triển; các khoản trả nợ vay phát hành tín phiếu kho bạc để bù đắp NQNN tạm thời thiếu hụt đến hạn trong kỳ.

b) Vay và trả nợ vay nước ngoài: Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại xác định và cung cấp cho KBNN các khoản vay và viện trợ nước ngoài trực tiếp cho NSNN; các khoản trả nợ vay nước ngoài đến hạn trong kỳ (theo Mẫu số 03/DB-CQLN ban hành kèm theo Thông tư này).

c) Vay và trả nợ vay khác của NSNN: Vụ NSNN xác định và cung cấp cho KBNN (theo Mẫu số 04/DB-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này).

4. Đối với số liệu thu, chi tiền gửi của các đơn vị giao dịch và các quỹ tài chính nhà nước: Do KBNN tự xác định.

5. Thu hồi các khoản sử dụng NQNN tạm thời nhàn rỗi đến hạn trong kỳ: Do KBNN tự xác định.

Điều 7. Xác định khả năng NQNN tạm thời nhàn rỗi hoặc NQNN tạm thời thiếu hụt

1. NQNN tạm thời nhàn rỗi hoặc NQNN tạm thời thiếu hụt trong kỳ được xác định theo công thức sau:

Tồn NQNN ước tính đầu kỳ cộng (+) tổng khả năng thu NQNN trong kỳ (bao gồm cả các khoản sử dụng NQNN đến hạn thu hồi) trừ đi (-) tổng nhu cầu chi NQNN trong kỳ (bao gồm cả các khoản hoàn trả tiền vay bù đắp NQNN tạm thời thiếu hụt đến hạn trong kỳ) trừ đi (-) định mức tồn NQNN tối thiểu trong kỳ. Trường hợp:

a) Phần chênh lệch dương là NQNN tạm thời nhàn rỗi trong kỳ.

b) Phần chênh lệch âm là NQNN tạm thời thiếu hụt trong kỳ.

2. Căn cứ dự báo khả năng NQNN tạm thời nhàn rỗi hoặc NQNN tạm thời thiếu hụt trong kỳ, KBNN xây dựng phương án điều hành NQNN trình Bộ Tài chính phê duyệt theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 24/2016/NĐ-CP. Cụ thể:

a) Trường hợp dự kiến NQNN tạm thời nhàn rỗi trong quý, năm, phương án điều hành NQNN nêu rõ các hạn mức sử dụng NQNN tạm thời nhàn rỗi được quy định tại Điều 13 Thông tư này.

b) Trường hợp dự kiến NQNN tạm thời thiếu hụt trong quý, năm, phương án điều hành NQNN nêu rõ tổng số lượng phát hành tín phiếu kho bạc để bù đắp NQNN tạm thời thiếu hụt; tổng số lượng thu hồi trước hạn các khoản tiền đang gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại (nếu có).

Chương III
SỬ DỤNG NGÂN QUỸ NHÀ NƯỚC TẠM THỜI NHÀN RỖI

Điều 8. Gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại

1. KBNN thực hiện gửi có kỳ hạn các khoản NQNN tạm thời nhàn rỗi tại các ngân hàng thương mại có mức độ an toàn cao theo xếp hạng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 24/2016/NĐ-CP.

2. Việc gửi tiền có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại được thực hiện theo hợp đồng gửi tiền có kỳ hạn giữa KBNN và ngân hàng thương mại, phù hợp với

các quy định của pháp luật; trong đó, nêu rõ trách nhiệm, quyền hạn của các bên và các nội dung khác có liên quan đến khoản tiền gửi có kỳ hạn.

3. Mức gửi tiền có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại không vượt quá hạn mức gửi tiền có kỳ hạn được quy định tại Điều 13 Thông tư này.

4. Thời hạn gửi tiền có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại tối đa không quá 03 tháng, kể từ ngày KBNN làm thủ tục chuyển tiền để thực hiện giao dịch.

5. Tổng Giám đốc KBNN quyết định việc gửi tiền có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 24/2016/NĐ-CP.

Điều 9. Mua lại có kỳ hạn trái phiếu Chính phủ

1. KBNN được thực hiện giao dịch mua lại có kỳ hạn đối với các loại trái phiếu Chính phủ và tín phiếu do KBNN phát hành đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán.

2. Hình thức giao dịch: Thỏa thuận điện tử hoặc thỏa thuận thông thường.

3. Kỳ hạn mua lại trái phiếu Chính phủ tối đa không quá 03 tháng, kể từ ngày KBNN làm thủ tục chuyển tiền để thực hiện giao dịch.

4. Quy trình, thủ tục mua lại có kỳ hạn trái phiếu Chính phủ được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương.

5. Tổng Giám đốc KBNN quyết định việc mua lại có kỳ hạn trái phiếu Chính phủ theo quy định tại Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 24/2016/NĐ-CP.

Chương IV
XỬ LÝ NGÂN QUỸ NHÀ NƯỚC TẠM THỜI THIẾU HỤT

Điều 10. Phát hành tín phiếu kho bạc

1. Căn cứ tình hình thu, chi, tồn NQNN và tình hình thị trường, KBNN xác định thời điểm và số lượng phát hành tín phiếu kho bạc để bù đắp NQNN tạm thời thiếu hụt cho phù hợp. Số lượng phát hành tối đa không vượt quá hạn mức phát hành tín phiếu kho bạc để bù đắp NQNN tạm thời thiếu hụt đã được Bộ Tài chính phê duyệt tại phương án điều hành NQNN.

2. Thời hạn phát hành tín phiếu kho bạc để bù đắp NQNN tạm thời thiếu hụt tối đa không quá 03 tháng, kể từ ngày phát hành.

3. KBNN bố trí nguồn để hoàn trả đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi và các khoản phí (nếu có) liên quan đến việc phát hành tín phiếu kho bạc để bù đắp NQNN tạm thời thiếu hụt.

4. Quy trình, thủ tục phát hành tín phiếu kho bạc để bù đắp NQNN tạm thời thiếu hụt được thực hiện theo quy định hiện hành về việc phát hành trái phiếu Chính phủ.

5. Tổng Giám đốc KBNN quyết định việc phát hành tín phiếu kho bạc để bù đắp NQNN tạm thời thiếu hụt theo quy định tại Khoản 4 Điều 8 Nghị định số 24/2016/NĐ-CP.

Điều 11. Thu hồi trước hạn tiền gửi có kỳ hạn

1. Căn cứ tình hình thu, chi, tồn NQNN và hợp đồng gửi tiền có kỳ hạn giữa KBNN với ngân hàng thương mại, KBNN phối hợp với ngân hàng thương mại nơi gửi tiền thực hiện thu hồi trước hạn các khoản NQNN đang gửi có kỳ hạn để bù đắp NQNN tạm thời thiếu hụt.

2. Số lượng và lãi suất tiền gửi rút trước hạn được thực hiện theo hợp đồng gửi tiền có kỳ hạn giữa KBNN và ngân hàng thương mại.

Chương V
QUẢN LÝ RỦI RO ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NGÂN QUỸ NHÀ NƯỚC

Điều 12. Biện pháp quản lý và phòng ngừa rủi ro

1. KBNN thực hiện quản lý rủi ro đối với hoạt động quản lý NQNN theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 4 Điều 9 Nghị định số 24/2016/NĐ-CP.

2. KBNN duy trì tồn NQNN thực tế không thấp hơn định mức tồn NQNN tối thiểu trong quý được xác định theo công thức như sau:

$$\text{Định mức tồn NQNN tối thiểu trong quý} = \frac{\text{Tổng nhu cầu chi NQNN trong quý kế hoạch}}{\text{Số ngày làm việc trong quý kế hoạch}} \times \text{Số ngày định mức}$$

Trong đó:

a) Số ngày làm việc trong quý kế hoạch được quy định là 65 ngày.

b) Số ngày định mức được quy định là 05 ngày. Trường hợp cần thiết, Tổng Giám đốc KBNN quyết định điều chỉnh số ngày định mức cho phù hợp với thực tế.

3. Trường hợp số thu, chi NQNN thực tế có biến động lớn so với số liệu đã dự báo, thì KBNN kịp thời điều chỉnh số liệu dự báo trong kỳ tiếp theo cho phù hợp.

4. KBNN xây dựng và ban hành các quy trình hướng dẫn nội bộ về quản lý rủi ro đối với hoạt động quản lý NQNN; trong đó, quy định rõ trách nhiệm và quyền hạn của các cá nhân, đơn vị thuộc KBNN có liên quan đến hoạt động quản lý NQNN.

Điều 13. Hạn mức sử dụng NQNN tạm thời nhàn rỗi

1. Hạn mức tạm ứng NQNN tạm thời nhàn rỗi cho NSNN:

a) Đối với ngân sách trung ương: Căn cứ khả năng NQNN tạm thời nhàn rỗi và dư nợ tạm ứng NQNN cho ngân sách trung ương hiện tại, KBNN xác định hạn mức tạm ứng NQNN cho ngân sách trung ương cho phù hợp, tối đa không vượt quá khả năng NQNN tạm thời nhàn rỗi trong quý.

b) Đối với ngân sách cấp tỉnh: Hạn mức tạm ứng NQNN cho ngân sách cấp tỉnh tối đa không vượt quá 10% khả năng NQNN tạm thời nhàn rỗi trong quý; trong đó, đối với từng ngân sách cấp tỉnh đảm bảo tổng số dư nợ tạm ứng NQNN và các khoản dư nợ vay khác của ngân sách cấp tỉnh đó không vượt quá mức dư nợ vay tối đa theo quy định của Luật NSNN.

2. Hạn mức sử dụng NQNN tạm thời nhàn rỗi để gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại và mua lại có kỳ hạn trái phiếu Chính phủ tối đa không vượt quá 50% khả năng NQNN tạm thời nhàn rỗi trong quý.

Trong đó, hạn mức sử dụng NQNN tạm thời nhàn rỗi để mua lại có kỳ hạn trái phiếu Chính phủ tối đa không vượt quá 10% khả năng NQNN tạm thời nhàn rỗi trong quý.

Chương VI
HẠCH TOÁN KẾ TOÁN

Điều 14. Hạch toán kế toán

1. Các khoản sử dụng NQNN tạm thời nhàn rỗi; thu hồi các khoản sử dụng NQNN tạm thời nhàn rỗi; tiền lãi từ nghiệp vụ sử dụng NQNN tạm thời nhàn rỗi được KBNN hạch toán theo chế độ kế toán nhà nước áp dụng cho hệ thống TABMIS.

2. Các khoản đi vay và trả nợ vay (gốc, lãi và phí – nếu có) bù đắp NQNN tạm thời thiếu hụt được KBNN hạch toán theo chế độ kế toán nhà nước áp dụng cho hệ thống TABMIS. Trong đó, các khoản tín phiếu kho bạc phát hành để bù đắp NQNN tạm thời thiếu hụt (nếu có) được KBNN theo dõi và hạch toán vào tài khoản riêng và không được tính vào số huy động vốn cho NSNN, tách bạch với khoản tín phiếu kho bạc phát hành để bù đắp thiếu hụt NSNN; các khoản chi trả lãi, phí (nếu có) được hạch toán vào chi hoạt động nghiệp vụ của KBNN.

Chương VII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị trong việc quản lý NQNN

1. KBNN thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn trong quản lý NQNN theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 24/2016/NĐ-CP và tại Thông tư này.

2. Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại, Vụ NSNN có trách nhiệm cung cấp thông tin dự báo luồng tiền cho KBNN theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2017.

2. KBNN, các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính có trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Xuân Hà

Mẫu số: 01/DB-TCT

BỘ TÀI CHÍNH **TỔNG CỤC THUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TCT-... V/v cung cấp thông tin dự báo	*Hà Nội, ngày... tháng... năm...*

Kính gửi: Kho bạc Nhà nước

Tổng cục Thuế cung cấp thông tin dự báo luồng tiền thuộc phạm vi quản lý quý/năm n như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	**Nội dung thu/chi**	**Ước thực hiện quý/ năm n - 1**	**Số dự báo quý/năm n**			
			Tổng cộng	Tháng/ Quý...	Tháng/ Quý...	...
I	Tổng số thu					
1	Thu nội địa					
2	Thu dầu thô(1)					
	Trong đó, thu dầu thô bằng ngoại tệ (triệu USD)					
II	Chi hoàn thuế giá trị gia tăng					

Ghi chú: - n - 1 là quý/năm lập biểu.

- (1) Tổng thu dầu thô, kể cả thu bằng ngoại tệ quy đổi ra đồng Việt Nam (theo tỷ giá hạch toán do Bộ Tài chính quy định)./.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu: VT,...	**TỔNG CỤC TRƯỞNG** (Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số: 02/DB-TCHQ

BỘ TÀI CHÍNH **TỔNG CỤC HẢI QUAN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TCHQ-... V/v cung cấp thông tin dự báo	*Hà Nội, ngày... tháng... năm...*

Kính gửi: Kho bạc Nhà nước

Tổng cục Hải quan cung cấp thông tin dự báo luồng tiền thuộc phạm vi quản lý quý/năm n như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	**Nội dung thu/chi**	**Ước thực hiện quý/ năm n - 1**	**Số dự báo quý/năm n**			
			Tổng cộng	Tháng/ Quý...	Tháng/ Quý...	...
1	Thu NSNN từ hàng hóa xuất nhập khẩu					

Ghi chú: n - 1 là quý/năm lập biểu./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT,...

TỔNG CỤC TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số: 03/DB-CQLN

BỘ TÀI CHÍNH
CỤC QUẢN LÝ NỢ VÀ TÀI CHÍNH ĐỐI NGOẠI

Số: /CQLN-...
V/v cung cấp thông tin dự báo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày.... tháng..... năm 20...

Kính gửi: Kho bạc Nhà nước

Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại cung cấp thông tin dự báo luồng tiền thuộc phạm vi quản lý quý/năm n như sau:

STT	Nội dung thu/chi	Ước thực hiện quý/năm n - 1	Số dự báo quý/năm n			
			Tổng cộng	Tháng/ Quý ...	Tháng/ Quý ...	...
I	Các khoản vay, viện trợ trực tiếp cho ngân sách nhà nước (tỷ đồng)					
	Trong đó, số vay nợ, viện trợ nước ngoài bằng ngoại tệ (triệu USD) (1)					
II	Số chi trả nợ nước ngoài (triệu USD)(1)					

Ghi chú: - n – 1 là quý/năm lập biểu.
- (1) Đối với các khoản bằng ngoại tệ khác được quy đổi ra đô la Mỹ theo tỷ giá hạch toán do Bộ Tài chính quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, ...

CỤC TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số: 04/DB-NSNN

VỤ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Hà Nội, ngày .... tháng..... năm 20...

Kính gửi: Kho bạc Nhà nước

Vụ Ngân sách nhà nước cung cấp thông tin dự báo luồng tiền thuộc phạm vi quản lý quý/năm n như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	**Nội dung thu/chi**	**Ước thực hiện quý/năm n – 1**	**Số dự báo quý/năm n**			
			Tổng cộng	Tháng/ Quý ...	Tháng/ Quý ...	...
I	Vay khác					
	Trong đó: *+ Vay Bảo hiểm Xã hội Việt Nam* *+ Vay Quỹ tích lũy trả nợ* *+ Vay SCIC* *+ Vay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (nếu có)* ...					
II	Chi trả nợ vay khác					
	Trong đó: *+ Trả nợ vay Bảo hiểm Xã hội Việt Nam* *+ Trả nợ vay Quỹ tích lũy trả nợ* *+ Trả nợ vay SCIC* *+ Trả nợ vay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam* ...					

Ghi chú: n – 1 là quý/năm lập biểu./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT,...

VỤ TRƯỞNG
(Ký tên)

Mẫu số: 05/DBTH

BỘ TÀI CHÍNH
KHO BẠC NHÀ NƯỚC

BIỂU DỰ BÁO LUỒNG TIỀN TỔNG HỢP THEO QUÝ/NĂM

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự báo quý/năm n		
		Tháng/ Quý ...	Tháng/ Quý ...	...
1	**Tồn NQNN đầu kỳ**			
2	**Dự kiến tổng thu NQNN trong kỳ (2=2.1+2.2+2.3+2.4)**			
2.1	***Thu ngân sách nhà nước (2.1 = 2.1.1 + 2.1.2 + 2.1.3 +2.1.4)***			
2.1.1	Thu nội địa			
2.1.2	Thu từ dầu thô			
2.1.3	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu			
2.1.4	Thu khác			
2.2	***Thu huy động vốn cho NSNN và cho đầu tư phát triển (2.2 = 2.2.1 + 2.2.2 + 2.2.3)***			
2.2.1	Huy động vốn trái phiếu Chính phủ trong nước			
2.2.2	Vay khác trong nước			
2.2.3	Vay nước ngoài			
2.3	***Thu hồi các khoản sử dụng NQNN đến hạn trong kỳ***			
2.4	***Thu tiền gửi và các quỹ tài chính nhà nước***			
3	**Dự kiến tổng chi NQNN trong kỳ (3=3.1+3.2+3.3+3.4)**			
3.1	***Chi ngân sách nhà nước (3.1 = 3.1.1 + 3.1.2 + 3.1.3)***			
3.1.1	Chi thường xuyên			
3.1.2	Chi đầu tư			
3.1.3	Chi hoàn thuế giá trị gia tăng			
3.2	***Chi trả nợ (3.2 = 3.2.1 + 3.2.2 + 3.2.3)***			
3.2.1	Chi trả nợ trái phiếu, tín phiếu huy động trong nước			
3.2.2	Chi trả nợ trong nước khác			
3.2.3	Chi trả nợ nước ngoài			
3.3	***Chi trả tín phiếu vay bù đắp NQNN tạm thời thiếu hụt đến hạn trong kỳ***			
3.4	***Chi tiền gửi và các quỹ tài chính nhà nước***			
4	**Tồn NQNN cuối kỳ (4=1+2-3)**			

Mẫu số: 06/DBVN

BỘ TÀI CHÍNH
KHO BẠC NHÀ NƯỚC

BIỂU DỰ BÁO LUỒNG TIỀN BẰNG ĐỒNG VIỆT NAM THEO QUÝ/NĂM

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự báo quý/năm n		
		Tháng/ Quý …	Tháng/ Quý …	…
1	**Tồn NQNN bằng VND đầu kỳ**			
2	**Dự kiến tổng thu NQNN bằng VND trong kỳ (2=2.1+2.2+2.3)**			
2.1	***Thu ngân sách nhà nước (2.1 = 2.1.1 + 2.1.2 + 2.1.3 +2.1.4)***			
2.1.1	Thu nội địa			
2.1.2	Thu từ dầu thô			
2.1.3	Thu từ hàng hóa xuất nhập khẩu			
2.1.4	Thu khác			
2.2	***Vay bù đắp bội chi và cho đầu tư phát triển (2.2 = 2.2.1 + 2.2.2 + 2.2.3)***			
2.2.1	Huy động vốn trái phiếu Chính phủ trong nước			
2.2.2	Vay khác trong nước			
2.2.3	Vay nước ngoài			
2.3	***Thu hồi các khoản sử dụng NQNN đến hạn trong kỳ***			
2.4	***Thu tiền gửi và các quỹ tài chính nhà nước***			
3	**Dự kiến tổng chi NQNN bằng VND trong kỳ (3=3.1+3.2+3.3+3.4)**			
3.1	***Chi ngân sách nhà nước (3.1 = 3.1.1 + 3.1.2 + 3.1.3)***			
3.1.1	Chi thường xuyên			
3.1.2	Chi đầu tư			
3.1.3	Chi hoàn thuế giá trị gia tăng			
3.2	***Chi trả nợ (3.2 = 3.2.1 + 3.2.2)***			
3.2.1	Chi trả nợ trái phiếu, tín phiếu huy động trong nước			
3.2.2	Chi trả nợ trong nước khác			
3.3	***Chi trả tín phiếu vay bù đắp NQNN tạm thời thiếu hụt đến hạn trong kỳ***			
3.4	***Chi tiền gửi và các quỹ tài chính nhà nước***			
4	**Tồn NQNN bằng VND cuối kỳ (4=1+2-3)**			

Mẫu số: 07/DBNT

BỘ TÀI CHÍNH
KHO BẠC NHÀ NƯỚC

BIỂU DỰ BÁO LUỒNG TIỀN BẰNG NGOẠI TỆ THEO QUÝ/NĂM

Đơn vị tính: triệu USD

STT	Chỉ tiêu	Dự báo quý/năm n		
		Tháng/ Quý ...	Tháng/ Quý ...	...
1	**Tồn NQNN bằng ngoại tệ đầu kỳ**			
2	**Dự kiến tổng thu NQNN bằng ngoại tệ trong kỳ (2 = 2.1 + 2.2)**			
2.1	Thu dầu thô			
2.2	Các khoản thu khác			
3	**Dự kiến tổng chi NQNN bằng ngoại tệ trong kỳ (3 = 3.1 + 3.2)**			
3.1	Chi trả nợ			
3.2	Chi khác			
4	**Tồn NQNN bằng ngoại tệ cuối kỳ (4 = 1 + 2 - 3)**			

Ghi chú: - Không bao gồm số thu, chi, tồn quỹ ngoại tệ đặc biệt.
- Bao gồm các loại ngoại tệ được quy đổi ra đô la Mỹ theo tỷ giá hạch toán do Bộ Tài chính quy định.